

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7- 2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lân và bà Hồ Thị Phi Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Bà Lại Nguyễn Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 2000; căn cước công dân số 046300009037; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường M, thành phố Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương R, sinh năm 1995; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 046095015868; nơi thường trú: Tổ dân phố P, phường D, thành phố Huế; địa chỉ liên lạc hiện nay: 4230 41st Ave N, St . P, FL 33714, United States of A (Hoa Kỳ), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy L trình bày:

Chị Trần Thị Thùy L và anh Trương R tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường M, thành phố Huế, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 vào ngày 09/9/2021. Sau khi kết hôn, chị L và anh R chung sống ở Việt Nam hạnh phúc khoảng hơn 01 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, hay bất đồng quan điểm. Từ tháng 11 năm 2023, anh R đã xuất cảnh và định cư tại Hoa Kỳ. Hiện tại, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương R .

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 01 con chung là Trương Anh T, sinh ngày 01/10/2023, chị L yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23 tháng 6 năm 2026, bị đơn anh Trương R trình bày:

Anh Trương R và chị Trần Thị Thùy L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường M, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 vào ngày 09/9/2021. Sau khi kết hôn anh R và chị L sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, quan điểm sống không hợp nhau. Từ năm 2023, anh R đã xuất cảnh và định cư tại USA (Hoa Kỳ) cho đến nay. Do cách trở về địa lý, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ít khi liên lạc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay khả năng đoàn tụ là không thể, chị L có nguyện vọng xin được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh R và chị Trần Thị Thùy L được ly hôn. Kèm theo văn bản trình bày ý kiến, anh R gửi cho Tòa án đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 464, 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L, cho chị L được ly hôn với anh Trương R; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Trương Anh T, sinh ngày 01/10/2023, cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; anh Trương R không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: chị Trần Thị Thùy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương R, sinh năm 1995; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 046095015868 cấp ngày 01/12/2021; nơi thường trú: Tổ dân phố P, phường D, thành phố Huế; địa chỉ liên lạc hiện nay: 4230 41st Ave N, St . P, FL 33714, United States of A (Hoa Kỳ). Đây là vụ án ly hôn mà nguyên đơn là công dân Việt Nam và bị đơn là người Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố P, phường D, thành phố Huế, hiện nay đang cư trú, sinh sống ở nước ngoài nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Trương R có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trương R có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của anh R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L và anh Trương R tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường M, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 vào ngày 09/9/2021 nên hôn nhân giữa chị L và anh R là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp, quan điểm sống không hợp nhau. Từ năm 2023, anh R đã xuất cảnh và định cư tại USA (Hoa Kỳ) cho đến nay. Do cách trở về địa lý, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ít khi liên lạc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện tại, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương R. Bị đơn Trương R có văn bản trình bày ý kiến thống nhất như lời khai của chị L, đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thùy L và gửi văn bản trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt; các tài liệu của anh Trương R gửi cho Tòa án đã được dịch ra Tiếng Việt có công chứng, chứng thực hợp pháp theo Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Trương R đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh R là có cơ sở.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh R đều xác nhận có 01 con chung là Trương Anh T, sinh ngày 01/10/2023.

Xét thấy, sau khi anh R đi nước ngoài, cháu Trương Anh T được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ năm 2023 cho đến nay, hơn nữa anh Trương R cũng không có ý kiến gì về việc chị L yêu cầu Tòa án giao con cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó cần giao con chung Trương Anh T cho chị Trần Thị Thùy L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, do chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị L và anh R đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 464, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L được ly hôn với anh Trương R, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con Trương Anh T, sinh ngày 01/10/2023 cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trương R không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị L và anh R xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc Chị Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0001392 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trương R vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Mỹ Thượng
(ĐKKH số 15 ngày 09/9/2021
tại UBND phường Phú Thượng (cũ));
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quang Bình